TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồ. Nghề nghiệp: Giáo viên.

Nơi công tác: Trường THCS xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

2. Ông Bùi Văn Độ. Cán bộ quân đội nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 121/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1986; có mặt.

ĐKHKTT: Cụm 12, xã TL, huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ cư trú: Thôn Thái Bình, xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng Q, sinh năm 1981; có mặt.

ĐKHKTT và địa chỉ cư trú: Địa chỉ: Cụm 12, xã TL, huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị Th trình bày:* Chị có tìm hiểu và đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Đăng Q tại UBND xã TL, huyện ĐP, thành phố Hà Nội vào ngày 12/10/2010.

Sau khi kết hôn, chị về gia đình nhà anh Q làm ăn sinh sống. Trong quá trình chung sống anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q thường xuyên chơi bời cờ bạc, rượu chè và nhiều lần đánh đập chị, đập phá tài sản trước mặt các con. Ngoài ra, anh Q còn có mối quan hệ với người khác nên không quan tâm tới gia đình. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào năm 2016, chị đã bỏ về gia đình nhà bố mẹ đẻ sinh sống nhưng sau đó anh Q động viên nên chị quay về và chỉ được thời gian ngắn vì anh Q vẫn không thay đổi tính nết. Chị đã cho anh Q nhiều cơ hội nhưng anh Q không thay đổi được, nay chị xác định tình cảm với anh Q không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/6/2011 và cháu Nguyễn Đăng Hoàng Nh, sinh ngày 22/01/2014. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Nhi và anh Q nuôi cháu Khoa, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình, chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết; nợ chung không có. Ngoài các yêu cầu và đề nghị nêu trên, chị không yêu cầu, đề nghị vấn đề gì khác.

- *Bị đơn anh Nguyễn Đăng Q trình bày:* Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Hoàng Thị Th trình bày là đúng. Trong quá trình sinh sống anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không chia sẻ được với nhau về kinh tế và chị Th còn nghi ngờ anh có quan hệ với người khác nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm của anh với chị Th vẫn còn nên đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị Th có hai con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/6/2011 và cháu Nguyễn Đăng Hoàng Nh, sinh ngày 22/01/2014. Nếu ly hôn thì anh đề nghị được nuôi cháu Khoa, chị Th nuôi cháu Nhi và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình, anh không đề nghị Tòa án giải quyết; nợ chung không có. Ngoài các yêu cầu và đề nghị nêu trên, anh không yêu cầu, đề nghị vấn đề gì khác.

- Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Th giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Đăng Q và giải quyết về nuôi con theo ý kiến đã trình bày trên. Anh Nguyễn Đăng Q trình bày chị Th xin ly hôn thì anh Q không níu kéo nữa mà đồng ý ly hôn; về con chung anh Q đồng ý với yêu cầu của chị Th.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như trong quá trình điều tra và thu thập chứng cứ vụ án, Toà án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng và qui định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Đăng Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh Q. Về con chung, giao cho anh Q nuôi cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/6/2011 và giao cho chị Th nuôi cháu Nguyễn Đăng Hoàng Nh, sinh ngày 22/01/2014, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, công sức, về nợ không có nên không phải giải quyết. Chị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Th có đơn xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Đăng Q có hộ khẩu thường trú tại cụm 12, xã TL, huyện ĐP, thành phố Hà Nội, đây là quan hệ pháp luật về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị Th và anh Q không thống nhất về việc giải quyết vụ án, vì vậy căn cứ vào Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Đăng Q được xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, đăng ký vào ngày 12/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ĐP, thành phố Hà Nội nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, cũng như các tài liệu điều tra thể hiện: Chị Th và anh Q trong cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn và đã xảy ra từ lâu. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không chia sẻ được với nhau quan điểm và về kinh tế nên thường xuyên bất đồng, cãi vã. Đến nay, giữa chị Th và anh Q hai bên không còn quan tâm tới nhau.

Xét quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh Q đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th với anh Q là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Đăng Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/6/2011 và cháu Nguyễn Đăng Hoàng Nh, sinh ngày 22/01/2014. Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay thì chị Th và anh Q đều thống nhất, anh Q nuôi cháu Khoa còn chị Th nuôi cháu Nhi cho đến khi hai cháu trưởng thành. Xét thỏa thuận trên giữa chị Th và anh Q là phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

Chị Th, anh Q hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị Th và anh Q không yêu cầu; về nợ không có nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Hoàng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị Th, anh Nguyễn Đăng Q có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Hoàng Thị Th. Chị Hoàng Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Đăng Q.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Th và anh Nguyễn Đăng Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/6/2011 và cháu Nguyễn Đăng Hoàng Nh, sinh ngày 22/01/2014. Giao cháu Nguyễn Đăng K cho anh Nguyễn Đăng Q nuôi, giao cháu Nguyễn Đăng Hoàng Nh cho chị Hoàng Thị Th nuôi, cho đến khi các cháu Khoa và Nhi đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chị Hoàng Thị Th, anh Nguyễn Đăng Q hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị Hoàng Thị Th, anh Nguyễn Đăng Q không yêu cầu xem xét; về nợ không có nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Th đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003183 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ Điều Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Hoàng Thị Th và bị đơn anh Nguyễn Đăng Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THAD huyện Đan Phượng;
- UBND xã TL, huyện ĐP,
(GCNKH số 80, quyển số 01-2010,
đăng ký ngày 12/10/2010);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Văn Tuyến